TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 723/2024/QĐST-DS	*G, ngày 20 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 505/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Người đại diện theo pháp luật: Bà N.Đ.T.D; trụ sở: 266-268 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: Ông D.K.C (văn bản uỷ quyền số 99/GUQ-PGDHM ngày 16/11/2022).

- Bị đơn:

1. Bà T.T.N; sinh năm 1961; địa chỉ: Số G đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông T.M.P; sinh năm 1983

3. Ông T.M.H; sinh năm 1986

4. Ông T.M.T; sinh năm 1989

5. Ông T.M.C1; sinh năm 1996

Cùng cư trú tại: Số G đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T.M.C1 là người đại diện theo uỷ quyền cho ông P, ông H và ông T theo văn bản uỷ quyền công chứng số 020012, ngày 26/12/2022 tại văn phòng C3).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà D.T.T1, chết ngày 23/8/2021 (giấy khai tử số 305/TLKT-BS cấp ngày 02/10/2021 cấp tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G).

2. Ông T.V.L (chồng của bà T1 là chết năm 1990 theo giấy khai tử quyển số 01/1991 cấp ngày 03/4/1991 cấp tại Ủy ban nhân dân quận G).

3.Bà T.T.T.H1; chết năm 2016 (giấy khai tử số 584/TLKT-BS cấp ngày 09/9/2016 cấp tại Ủy ban nhân dân Phường C4, quận B).

4.Bà T.T.K.L1; sinh năm 1953; địa chỉ tại: Số G đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà T.T.K.Á; sinh năm 1964; cư trú tại: Số G đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Á, bà H1, bà L1 là con của bà D.T.T1 và ông T.V.L).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số G đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK285373 vào sổ cấp GCN: CS04316 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 05/01/2018 cho ông T.M.T2 và bà T.T.N là chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tài sản này được ông T2 và bà N đảm bảo thế chấp, tại Ngân hàng TMCP S vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, theo hợp đồng thế chấp số 284/2020/TC-PGDHM ngày 30/9/2020 được công chứng số 009775 ngày 30/9/2020 tại Văn phòng công chứng N.T.N.B.

Ông T.M.T2 và T.T.N còn nợ Ngân hàng TMCP S nợ gốc và lãi đến ngày 31/10/2022 số tiền là 1.006.718.665 đồng.

Ngày 02/8/2021 ông T.M.T2 chết; (giấy chứng tử số 310/TLKT-BS cấp ngày 04/10/2021). Ngày 23/8/2021 bà D.T.T1 (mẹ của ông T2 chết). Ông T.V.L (chồng bà T1 chết ngày 01/10/1990) bà T.T.T.H1 chết ngày 31/8/2016;

Bà T.T.K.L1 tự nguyện từ chối một phần di sản do bà T1 (mẹ) chết sau con là ông T.M.T2 nên bà T1 được hưởng một phần di sản do ông T2 để lại được công chứng số 001319 ngày 17/01/2023 tại văn phòng C5.

Bà T.T.K.Á không có yêu cầu và từ chối một phần di sản do ông T2 để cho bà T1 được Toà án ghi nhận ngày 20/3/2024.

Do vậy ½ giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số G đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông T.M.T2 được giao cho bà T.T.N, ông T.M.P; ông T.M.H; ông

T.M.T và ông T.M.C1 có trách nhiệm thanh toán trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP S, gồm nợ gốc và nợ lãi đến ngày 31/10/2022 số tiền là 1.006.718.665 đồng. Thi hành ngay một lần vào ngày 30/9/2024 tất toán hết nợ.

Bà T.T.N; ông T.M.P; ông T.M.H; ông T.M.T và ông T.M.C1 còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh từ ngày 01/11/2022 trên số tiền còn nợ gốc cho đến khi tất toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 202025656293 ngày 30/9/2020.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà T.T.N, ông T.M.P; ông T.M.H; ông T.M.T và ông T.M.C1 không thực hiện đúng như đã thoả thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP S yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 77 tờ bản đồ số 14; địa chỉ số G đường T, Phường A, quận G Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ cấp GCN: CS04316 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 05/01/2018 để thu hồi nợ.

Về án phí DSST: Ông T.M.P; ông T.M.H; ông T.M.T và ông T.M.C1 phải nộp án phí là 21.100.780 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T.T.N; sinh năm 1961 được miễn án phí Toà án theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.100.780 đồng, theo biên lai số 0012231 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.G;
- THADS Q. G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN